

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 55/2018/DS-ST

Ngày: 28/8/2018

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Bùi Trọng Tâm;
 2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân;
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thúy Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2018/TLST- DS ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu H- Sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Đinh Quang T- Sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị P- Sinh năm 1987 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ Lê Thị Thu H trình bày có nội dung:** Ngày 15/8/2016, ông Đinh Quang T, bà Nguyễn Thị P vay của của bà số tiền 100.000.000đồng, hẹn đến ngày 15/10/2016 sẽ hoàn trả. Khi vay giữa bà H và ông T, bà P không thỏa thuận lãi suất cụ thể và cũng không có tín chấp tài sản gì. Đến hạn trả nợ mặc dù bà H đã nhiều lần tìm gặp để yêu cầu ông T, bà P trả nợ cho bà nhưng ông, bà vẫn không trả.

Nay, bà Lê Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông

Đình Quang T, bà Nguyễn Thị P phải thanh toán cho bà toàn bộ số nợ gốc mà ông T bà P đã vay là 100.000.000đ, bà H không yêu cầu ông bà T, P phải trả tiền lãi suất, ngoài ra bà H không có yêu cầu gì khác.

*** Tại bản tự khai tại Tòa án, ông Đình Quang T và bà Nguyễn Thị P trình bày có nội dung:** Vào ngày 15/8/2016 vợ chồng ông bà có vay của bà Lê Thị Thu H số tiền 100.000.000đ, khi vay tiền hai bên có viết giấy vay tiền với nhau, không có thỏa thuận lãi suất, không có tín chấp tài sản, giấy tờ gì. Vợ chồng ông T, bà P hẹn đến ngày 15/10/2016 sẽ hoàn trả cho bà H toàn bộ số tiền đã vay. Tuy nhiên do công việc làm ăn gặp khó khăn nên đến nay ông T, bà P vẫn chưa trả được khoản tiền trên cho bà H.

Đến nay bà Lê Thị Thu H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đình Quang T và bà Nguyễn Thị P phải trả số tiền 100.000.000đ nợ gốc thì ông T, bà P xác nhận có nợ khoản tiền trên nhưng đề nghị bà H cho trả dần mỗi tháng 5.000.000đ đến khi trả xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố B đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Xác định ngày 15/8/2016 vợ chồng ông Đình Quang T, bà Nguyễn Thị P có vay của bà Lê Thị Thu H số tiền 100.000.000đ, hẹn đến ngày 15/10/2016 sẽ trả toàn bộ số nợ trên. Tuy nhiên đến hạn trả nợ, bà H nhiều lần yêu cầu ông T, bà P trả nợ nhưng ông T bà P vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Như vậy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H buộc vợ chồng ông Đình Quang T, bà Nguyễn Thị P phải trả số tiền 100.000.000đ là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H, buộc vợ chồng ông Đình Quang T, bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà Lê Thị Thu H số tiền nợ gốc là 100.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Lê Thị Thu H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Đình Quang T, bà Nguyễn Thị P, có địa chỉ tại đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về trình tự, thủ tục tố tụng:** Xét thấy bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về nội dung vụ án:** Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, có đủ cơ sở xác định: Ngày 15/8/2016, bà Lê Thị Thu H có cho vợ chồng ông Đinh Quang T, bà Nguyễn Thị P vay số tiền 100.000.000đ, hạn đến ngày 15/10/2016 sẽ trả toàn bộ khoản tiền trên. Khi vay các bên thống nhất không tính lãi suất và cũng không tín chấp tài sản gì. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông T, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như cam kết.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Đinh Quang T, bà Nguyễn Thị P hạn đến ngày 15/10/2016 sẽ trả toàn bộ khoản tiền 100.000.000đ đã vay cho bà H, tuy nhiên bà H đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà P trả nợ nhưng ông T, bà P vẫn không trả, do đó đến nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đinh Quang T, bà Nguyễn Thị P phải trả số tiền 100.000.000đ nợ gốc, không yêu cầu trả lãi suất.

Ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H là có căn cứ.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 15/8/2016, vợ chồng ông Đinh Quang T, bà Nguyễn Thị P có vay của bà Lê Thị Thu H số tiền 100.000.000đ, hạn đến ngày 15/10/2016 sẽ trả toàn bộ khoản tiền trên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông T, bà P vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó bà Lê Thị Thu H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đinh Quang T, bà Nguyễn Thị P phải trả số tiền 100.000.000đ nợ gốc, không yêu cầu lãi suất là phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên cần chấp nhận.

[4] **Về án phí:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn vợ chồng ông Đinh Quang T, bà Nguyễn Thị P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: $100.000.000đ \times 5\% = 5.000.000đ$.

Nguyên đơn bà Lê Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 220; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H.

Buộc bị đơn ông Đinh Quang T, bà Nguyễn Thị P phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Thu H số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về án phí:** Vợ chồng ông Đinh Quang T, bà Nguyễn Thị P phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Thu H 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Lê Thị Thu H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003435 ngày 27/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Thi hành án dân sự TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương